

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06** /2018/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày **04** tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định một số nội dung về công tác lập, giao dự toán
và quyết toán chi Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...S... Ngày: ...09/4/18...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về
Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày
13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 28/2016/NĐ-
CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của Nghị định số
56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ
bảo trì đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí
quản lý, bảo trì đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 25/TTr-STC ngày 22
tháng 01 năm 2018, Báo cáo giải trình của Giám đốc Sở Tài chính ngày 22 tháng 01
năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về công tác lập, giao dự toán và quyết toán chi Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2018 và thay thế Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy định một số nội dung về công tác lập, giao kế hoạch thu, chi và quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./. L

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, GTVT, Tư pháp;
- Cục KTVBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- CVP, các PCVPTH;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CBTH;
- CV: NCTH;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về công tác lập, giao dự toán và quyết toán
chi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **06** /2018/QĐ-UBND ngày **04** /4/2018
của UBND tỉnh Phú Thọ)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về công tác lập, giao dự toán và quyết toán chi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Thọ.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Lập, giao dự toán chi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh

1. Lập dự toán chi

a) Hằng năm, căn cứ hiện trạng công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá theo quy định hiện hành và nội dung chi quy định tại Điều 2 của Thông tư số 60/2017/TT-BTC, các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường bộ theo phân cấp, lập kế hoạch về nhu cầu chi quản lý, bảo trì đường địa phương cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách của đơn vị, gửi Hội đồng quản lý Quỹ (qua Sở Giao thông vận tải) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b) Căn cứ dự toán chi từ nguồn Quỹ bảo trì đường bộ địa phương (bao gồm ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và nguồn ngân sách địa phương cho công tác bảo trì đường tỉnh), Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình UBND tỉnh giao kế hoạch chi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh.

2. Giao dự toán chi

a) Căn cứ kế hoạch chi được UBND tỉnh phê duyệt, Hội đồng quản lý Quỹ thông báo dự toán chi cho các đơn vị (Biểu tổng hợp thông báo và giao dự toán chi từ Quỹ địa phương cho các đơn vị theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

b) Căn cứ dự toán được giao các đơn vị thực hiện đầu thầu, đặt hàng bảo trì, quản lý công trình đường bộ theo quy định. Đối với nhiệm vụ chỉ có tính chất đầu tư như sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất (trừ công trình khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông bước 1); sửa chữa lớn trạm kiểm tra tải trọng xe và các nhiệm vụ chỉ khác có tính chất đầu tư: Thực hiện theo quy định của pháp luật về việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cho sửa chữa, cải tạo mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có; bảo trì trụ sở.

Điều 4. Quy định về cấp, tạm ứng, thanh toán Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh

1. Quy định về cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh.

a) Đối với phần bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho Quỹ địa phương: Hàng năm, căn cứ vào dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Bộ Tài chính thông báo cho địa phương; Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí cho Quỹ địa phương theo kế hoạch chi được UBND tỉnh phê duyệt và tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Đối với phần bổ sung từ ngân sách địa phương cho Quỹ: Hàng năm, căn cứ vào định mức chi cho công tác quản lý, bảo trì đường tỉnh, dự toán chi ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Sở Tài chính cấp kinh phí quản lý, bảo trì đường tỉnh (theo hình thức lệnh chi tiền) vào tài khoản của Quỹ địa phương để tạm ứng, thanh toán theo kế hoạch chi đã được UBND tỉnh phê duyệt. Mức cấp quý I là 25% dự toán chi năm, quý II tối đa là 35% và quý III tối đa là 20% dự toán chi năm, quý IV là số dự toán chi còn lại của năm.

2. Quy định về phương thức chuyển kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh.

Căn cứ nguồn kinh phí được cấp và dự toán chi của Quỹ được UBND tỉnh phê duyệt; Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phân bổ, kinh phí cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường bộ gửi Kho bạc nhà nước; Kho bạc nhà nước căn cứ quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ chuyển kinh phí vào tài khoản của đơn vị thụ hưởng tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. (Biểu tổng hợp chuyển kinh phí từ Quỹ cho các đơn vị theo Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này).

Điều 5. Quyết toán chi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh

1. Lập báo cáo quyết toán chi

Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ bảo trì đường bộ lập báo cáo quyết toán việc sử dụng kinh phí theo mẫu biểu đính kèm Quy định này và yêu cầu của quyết toán chi ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, gửi Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính trước ngày 28/02 năm sau. (Báo cáo quyết toán kèm theo báo cáo danh mục công trình đã được giao kế hoạch trong năm đề nghị quyết toán, chi tiết theo nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017).

2. Nội dung, quy trình xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm:

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp. Cụ thể:

a) Đối với nhiệm vụ chỉ có tính chất đầu tư, giao Sở Tài chính và các phòng Tài chính cấp huyện thực hiện thẩm tra quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính đối với việc quyết toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải xét duyệt quyết toán năm của các đơn vị được giao quản lý, sử dụng kinh phí của Quỹ bảo trì đường bộ, gửi Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm tổng hợp quyết toán thu, chi của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét và trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 30/6 năm sau.

3. Cuối năm, nguồn kinh phí của Quỹ còn dư, việc chuyển kinh phí sang năm sau thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các nội dung khác có liên quan không quy định trong Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp. //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu

Mã chương:.....
Đơn vị báo cáo:

Mẫu số 01
(Kèm theo QĐ số 06/2018/QĐ-UBND
ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

BÁO CÁO THU QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG
NĂM

TT	Chỉ tiêu	KH thu	Quyết toán năm	Đơn vị tính: đồng So sánh	
				Số tuyệt đối tăng (+) giảm (-)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
1	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang				
2	Thu trong năm				
2.1	Phí sử dụng đường bộ				
2.2	Phí qua phà				
2.3	Thu khác				
3	Chi trong năm				
3.1	Phí sử dụng đường bộ				
3.2	Phí qua phà				
3.2	Chi khác				
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi (1+2-3)				
5	Nộp ngân sách nhà nước				
5.1	Phí sử dụng đường bộ				
5.2	Phí qua phà				
5.3	Từ nguồn thu khác				
6	Nộp quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
6.1	Phí sử dụng đường bộ				
6.2	Từ nguồn thu khác				
7	Bổ sung nguồn kinh phí				
7.1	Phí để lại chi cho tổ chức thu phí sử dụng đường bộ				
7.2	Từ nguồn thu khác				
8	Trích lập các quỹ (nếu có)				
8.1	Quỹ khen thưởng				
8.2	Quỹ phúc lợi				
8.3	Quỹ ổn định thu nhập				
8.4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
9	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm (9=4-5-6-7-8)				

Ngày tháng năm 20...

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Mã chương:.....

Đơn vị báo cáo:

Mã chương: 421

QUỸ BÁO TRÌ ĐƯỜNG BỘ TỈNH PHÚ THỌ

Mẫu số 02a

(Kèm theo QĐ số 06/2018/QĐ-UBND
ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

**QUYẾT TOÁN CHI QUỸ BÁO TRÌ ĐƯỜNG BỘ
NĂM**

PHẦN I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Loại - Khoản	Loại - Khoản	Loại - Khoản
1	I. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang				
2	1. Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
3	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
4	- Kinh phí đã nhận				
5	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
6	b/ Phí, lệ phí để lại				
7	c/ Viện trợ				
8	d/ Vay nợ				
9	2/ Nguồn khác				
10	II. Kế hoạch chi được giao trong năm				
11	1. Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
12	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
13	b/ Phí, lệ phí để lại				
14	c/ Viện trợ				
15	d/ Vay nợ				
16	2. Nguồn khác				
17	II. Tổng số được sử dụng trong năm				
18	1. Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
19	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP (3+12- 53.2)				
20	b/ Phí, lệ phí để lại (6+13)				
21	c/ Viện trợ (7+14)				
22	d/ Vay nợ (8+15)				
23	2. Nguồn khác (9+16)				
24	IV. Kinh phí thực nhận trong năm				
25	1. Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
26	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
27	b/ Phí, lệ phí để lại				
28	c/ Viện trợ				
29	d/ Vay nợ				
30	2. Nguồn khác				
31	V. Kinh phí quyết toán				
32	1. Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Loại - Khoản	Loại - Khoản	Loại - Khoản
33	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
34	b/ Phí, lệ phí để lại				
35	c/ Viện trợ				
36	d/ Vay nợ				
37	2. Nguồn khác				
38	VI. Kinh phí giảm trong năm (39+46+53)				
39	1. Đã nộp Quỹ BTĐB ĐP:				
40	1.1/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
41	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
42	b/ Phí, lệ phí để lại				
43	c/ Viện trợ				
44	d/ Vay nợ				
45	1.2/ Nguồn khác				
46	2. Còn phải nộp Quỹ BTĐB ĐP				
47	2.1./ Nguồn quỹ bảo trì ĐBĐP				
48	a/ Nguồn quỹ bảo trì ĐBĐP (4+26-33-41-57)				
49	b/ Phí, lệ phí để lại (6+27-34-42-59)				
50	c/ Viện trợ (7+28-35-43-60)				
51	d/ Vay nợ (8+29-36-44-61)				
52	2.2/ Nguồn khác (9+30-37-45-62)				
53	3. Nộp trả Quỹ BTĐB ĐP				
53.1	3.1/ Nộp do hết nhiệm vụ chi				
53.2	3.2/ Nộp vì lý do khác				
54	VII. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau				
55	1.Nguồn Quỹ BTĐB ĐP:				
56	a/ Nguồn quỹ bảo trì đường bộ ĐP				
57	- Kinh phí đã nhận				
58	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
59	b/ Phí, lệ phí để lại				
60	c/ Viện trợ				
61	d/ Vay nợ				
62	2. Nguồn khác				

Ngày tháng năm 20...

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Mã chương:.....
 Đơn vị báo cáo:
 Mã chương: 421
 QUỸ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ TỈNH PHÚ THỌ

Mẫu số 02b
 (Kèm theo QĐ số 06/2018/QĐ-UBND
 ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

PHẦN II - KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: đồng							
Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng cộng	Nguồn quỹ BTĐB ĐP	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8
				I.Kinh phí quyết toán năm nay			
220	223						
		6900		Sửa chữa thường xuyên TSCĐ			
			6922	Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay.....			
				II. KP năm trước chưa QT, QT năm nay			
220	223	6900		Sửa chữa thường xuyên TSCĐ			
			6922	Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay.....			
				TỔNG CỘNG			

Ngày tháng năm 20...

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Mã chương:.....

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số 03

(Kèm theo QĐ số 06/2018/QĐ-UBND
ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

**BÁO CÁO THỰC HIỆN XỬ LÝ
KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN, THANH TRA, TÀI CHÍNH
NĂM.....**

Số TT	Nội dung	Số kiến nghị của ...			Số đã nộp trả Quỹ BTĐB ĐP trong năm nay			Số còn phải nộp Quỹ BTĐB ĐP		
		Tổng số	Kiểm toán Nhà nước	Cơ quan tài chính	Tổng số	Kiểm toán Nhà nước	Cơ quan tài chính	Tổng số	Kiểm toán Nhà nước	Cơ quan tài chính
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính các năm trước chưa xử lý									
1	Nộp trả Quỹ BTĐB ĐP:									
-	Số chỉ sai chế độ phải xuất toán									
-	Số dư kinh phí chưa quyết toán									
2	Cơ quan tài chính giám trừ cấp phát									
3	Bổ sung quyết toán năm nay									
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính năm nay									
1	Nộp trả Quỹ BTĐB ĐP:									
-	Số chỉ sai chế độ phải xuất toán									
-	Số dư kinh phí chưa quyết toán									
2	Cơ quan tài chính giám trừ cấp phát									
3	Bổ sung quyết toán năm nay									

Đơn vị tính: đồng

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ:

Mẫu số 04
(Kèm theo QĐ số 06/2018/QĐ-UBND
ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN SCDB TỪ NGUỒN QUỸ BTĐB ĐỊA PHƯƠNG
NĂM

Đơn vị tính: đồng.

TT	Công trình hàng mục	Kế hoạch được giao trong năm					Giá trị dự toán công trình được duyệt	Giá trị công trình hoàn thành			Giá trị CTHT đề nghị QT trong năm	Giá trị CTHT đã quyết toán LK đến năm báo cáo	Giá trị CTHT chuyển sang sau QT	Kế hoạch còn dư cuối năm
		Kế hoạch năm trước chưa chi hết chuyển sang	Theo QĐ số	Theo QĐ số	Theo QĐ số	Cộng		Giá trị CTHT năm trước còn nợ chuyển sang năm nay	Giá trị CTHT năm nay	Cộng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9+10	12	13	14=11-12	15=7-12
1	(Chi tiết từng công trình)													
2														
3														
	Tổng cộng													

Ghi chú:

- Cột 13: Giá trị công trình, hàng mục hoàn thành đã quyết toán lũy kế đến năm báo cáo: để phản ánh giá trị các công trình phải thực hiện quyết toán công trình hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính
- Các cột 3,4,5,6 phải được phản ánh đầy đủ theo đúng kế hoạch chi đã được duyệt và có thể ấn đi khi in ấn.

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị